

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HS-PT

Ngày: 02-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2018/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Thái B.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo: **Thái B**, sinh ngày 18/6/1971 tại An Giang; HKTT và chỗ ở: Số A, tổ A1, ấp B1, xã B2, huyện C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thái Văn H (H), sinh năm 1946 và bà Trần Thị T1 (đã chết); Vợ: Trần Thị T2, sinh năm 1973; Con: Thái Hà Ngọc Đ, sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt và tạm giữ: Ngày 14/8/2017; Tạm giam: Ngày 23/8/2017; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03/2017 âm lịch, A2 cùng với H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) ghé nhà thăm bị cáo B, do lâu ngày không gặp nên bị cáo B tổ chức nhậu tại nhà. Trong thời gian trò chuyện, biết được B không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền tiêu xài nên Hùng kêu B đi tiêu thụ tiền giả để kiếm lời. H1 lấy một tờ tiền giả polymer, mệnh giá 50.000đ đưa cho B xem, chỉ cách phân biệt giữa tiền thật và tiền giả; đồng thời, hướng dẫn cách thức tiêu thụ tiền giả cũng như chuẩn bị cách đối phó khi bị người dân hoặc cơ quan chức năng phát hiện. Khi nghe H1 nói thấy việc tiêu thụ tiền giả dễ dàng nên B hỏi H1 “tỉ lệ mua bán ra sao”, H1 nói “tỉ lệ là 50/100, tức là 50.000đ tiền thật mua 100.000đ tiền giả”; B nói để suy nghĩ lại sẽ trả lời sau và xin số điện thoại của H1, nhưng H1 không cho mà chỉ lấy số điện thoại của B. Khoảng nửa tháng sau, H1 gọi điện thoại hỏi bị cáo B có mua tiền giả không? bị cáo B đồng ý mua; H1 kêu bị cáo B đi xe đồ đến đầu đường ngã tư Nguyễn Văn L, huyện B3, thành phố Hồ Chí Minh, hai bên sẽ giao dịch mua bán tiền giả và H1 sẽ hỗ trợ tiền xe đồ là 100.000đ cho mỗi lần đi.

Từ tháng 3/2017AL đến ngày 14/8/2017, bị cáo B đã mua tiền giả của H1 04 lần, tổng số là 350 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ (tương đương 17.500.000đ). Sau khi có tiền giả, B mang về cất giấu trong tủ quần áo ở nhà, không cho vợ và con biết và bị cáo lấy đi tiêu thụ cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 3/2017 (âm lịch) bị cáo B bắt xe đồ đến thành phố Hồ Chí Minh, đi tới đầu đường ngã tư Nguyễn Văn L xuống xe đứng chờ; H1 chạy xe mô tô đến đưa một gói giấy màu trắng, bên trong có 50 tờ tiền giả (tương đương 2.500.000đ), bị cáo B trả tiền thật là 1.250.000đ, H1 lên xe chạy đi và B bắt xe trở về cất giấu tại nhà tìm cách tiêu thụ. Để có phương tiện đi tiêu thụ tiền giả, B sử dụng 08 tờ tiền giả để chung với tiền thật, tổng cộng 3.000.000đ đến tiệm cầm đồ của Nguyễn Duy K, sinh năm 1991 trú tại: ấp B1, xã B2, huyện C chuộc lại chiếc xe mô tô đã thế chấp trước đó, nhưng do xe thế chấp đã quá hạn nên anh K đã bán cho người khác; do đó, anh K thỏa thuận bán lại cho bị cáo B chiếc xe Dream, biển số 67K2-AAAA giá 3.000.000đ; sau khi nhận tiền, anh K phát hiện tiền giả nên gặp bị cáo cho hay; ngày hôm sau, bị cáo B mang 400.000đ tiền thật để đổi lại cho anh K, lấy 08 tờ tiền giả về đi tiêu thụ ở nơi khác. Hai ngày sau, bị cáo B điều khiển xe mô tô Dream 67K2-AAAA đi đến xã T3, xã M, huyện C tiêu thụ nhiều lần cho đến khi hết 50 tờ tiền giả (tương đương 2.500.000đ) bằng cách đến tiệm tạp hóa nhỏ lẻ ven đường mua

thuốc lá với giá khoảng 12.000.000đ/1 gói, B trả tiền giả rồi chủ tiệm thôi lại tiền thật, bị cáo B lấy tiền dư ra tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: Khoảng 15 ngày sau, bị cáo B tiếp tục đến thành phố Hồ Chí Minh mua của H1 100 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ (tương đương 5.000.000đ) để đi tiêu thụ, cách thức tiêu thụ là mua thuốc lá giống như lần thứ nhất; bị cáo B đi tiêu thụ ở các nơi như xã T4, thành phố C1; các xã dọc tuyến đường từ huyện L1 đến thành phố S tỉnh Đồng Tháp; bị cáo B tiêu thụ khoảng một tháng thì hết 100 tờ tiền giả.

- Lần thứ ba: Khoảng một tháng sau, bị cáo B mua của Hùng thêm 100 tờ tiền giả, mệnh giá 50.000đ (tương đương 5.000.000đ) để tiêu thụ tiếp. Lần này B đi đến các xã T5, T6, T7, thuộc huyện T, tỉnh Đồng Tháp để tiêu thụ cách thức tiêu thụ cũng giống như những lần trước.

- Lần thứ tư: Khoảng một tháng sau, bị cáo B mua của H1 100 tờ tiền giả, mệnh giá 50.000đ (tương đương 5.000.000đ); đi tiêu thụ ở xã T4 và các xã dọc tuyến đường từ huyện L1 đến thành phố S. Đến 16 giờ 00 phút ngày 14/8/2017, bị cáo B điều khiển xe mô tô Dream, biển số 67K2-AAAA đem theo 52 tờ tiền giả đi tiêu thụ và đã tiêu thụ được 22 tờ; còn lại 30 tờ đến quán của bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971 tại xã T5, huyện T, thì bị phát hiện bắt quả tang và thu giữ của bị cáo B 30 tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ (tương đương 1.500.000đ); đồng thời, thu giữ của người dân thêm 04 tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ, do những người bán tạp hóa trên địa bàn xã T5, huyện T hay tin đến giao nộp. Trong quá trình điều tra, Cơ quan an ninh điều tra tỉnh Đồng Tháp thu giữ thêm 04 tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ do người dân đến giao nộp; tổng cộng thu giữ được 38 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ.

Như vậy, trong vòng khoảng 05 tháng, bị cáo B đã tiêu thụ trót lọt 320 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ (tương đương 16.000.000đ). Về thuốc lá hiệu Nelson, Hero, Jet do hành vi tiêu thụ tiền giả có được; bị cáo B để dành hút và bán lại cho những tiệm tạp hóa dọc đường với giá 11.000đ/1 gói, hiện không nhớ tên, địa chỉ những tiệm đã bán lại. Tại Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp, bị cáo B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: 38 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ (tương đương 1.900.000đ) gồm: 09 tờ có số seri OP 14634406; 12 tờ có số seri OP 14614976; 09 tờ có số seri OP14684931; 08 tờ có số seri OP 14684300; 29 (Hai mươi chín) gói thuốc lá gồm: 12 gói thuốc Hero, 12 gói Nelson, 05 gói Jet; 01 xe mô tô loại Dream, biển số 67K2-AAAA, số máy 065218, số khung

031528; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái B; 01 Giấy đăng ký xe máy biển số 67K2 – 17754; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 1.639.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng); Ngày 18/10/2017, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử lý vật chứng số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), trong số tiền 1.639.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Thái B để trả lại cho người bị hại; do đó, hiện nay chỉ còn thu giữ của bị cáo B số tiền là 1.239.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 528/KL-KTHS ngày 19/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận 38 tờ tiền trên là tiền giả được làm bằng phương pháp in lazer màu. Đồng thời, giữ lại 04 tờ tiền giả loại 50.000đ có số seri OP 14616976, OP 14634406, OP 14684300, OP 14684931 để làm mẫu so sánh sau này.

Ngoài ra, bà Trần Thị N1 (cùng chồng là Võ Hoàng V) và bà Lê Thị Hồng L2 ngụ xã T4, thành phố C1 đến Công an xã trình báo có người đàn ông giống bị cáo B sử dụng tiền giả mua thuốc lá tại tiệm của họ. Sau khi kiểm tra phát hiện tiền giả nên họ đến trình báo và giao nộp 02 tờ tiền giả mệnh giá 50.000đ cho Cơ quan chức năng.

Đối với xe mô tô biển số 67K2-AAAA, loại Dream là của ông Đinh Văn P, sinh năm 1973, trú tại: ấp B4, xã B2, huyện C, tỉnh An Giang mua của bà Nguyễn Thị Kim X. Do khó khăn ông P cầm tại tiệm cầm đồ D quá hạn, không tiền chuộc nên anh Nguyễn Duy K bán lại cho bị cáo B làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2018/HSST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Tuyên bố bị cáo Thái B phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Thái B 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 14/8/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, bị cáo Thái B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái B, sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Thái B sinh sống tại ấp B1, xã B2, huyện C, tỉnh An Giang cùng vợ, con. Nhưng bị cáo lại quen biết với A2, H1 (bị cáo khai không rõ họ tên, địa chỉ). Bị cáo quen biết A2, H1 khi đi làm thuê tại TP. Hồ Chí Minh và xuống nhà chơi. Trong lúc uống rượu H1 kêu bị cáo đi tiêu thụ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ, tỉ lệ mua bán 50/100, tức là 50.000đ tiền thật mua 100.000đ tiền giả. Đáng lý ra bị cáo phải báo công an để ngăn chặn hành vi phạm tội của H1. Nhưng khi H1 điện thoại cho bị cáo hẹn gặp tại ngã tư Nguyễn Văn L, huyện B3, TP. Hồ Chí Minh. Bị cáo mua tiền giả của H1 04 lần, tổng số là 350 tờ tiền giả loại polymer, mệnh giá 50.000đ bằng 17.500.000đ tiền Việt Nam giả. Bị cáo đi tiêu thụ tại tỉnh An Giang, Đồng Tháp hết số tiền 16.000.000đ. Bị cáo tiêu thụ bằng cách mua hàng nhỏ lẻ như thuốc là tại các tiệm buôn bán nhỏ để họ thối lại tiền Việt Nam thật.

[2] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được tiền giả là Nhà nước cấm lưu hành. Việc tiêu thụ tiền giả sẽ làm lũng loạn nền kinh tế Nhà nước và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo lại gây ra cho người bị hại buôn bán nhỏ lẻ gặp khó khăn trong cuộc sống và chiếm đoạt của họ nhiều lần ở nhiều địa phương. Nếu không bị phát hiện bắt giữ khi đang tiêu thụ tiền giả tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo cũng chưa chịu dừng hành vi phạm tội. Do đó, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo nghiêm khắc, để bị cáo trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lưu hành tiền giả” và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt án sơ thẩm xử là phù hợp. Nhưng vào ngày 14/3/2018, bị cáo tác động, vợ bị cáo nộp số tiền 6.961.000đ theo biên lai số 09081 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T mà án sơ thẩm tuyên buộc nộp tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm.

Do đó chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt, là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm kể từ ngày 01/01/2018 Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành thì điều luật nào bị cáo phạm tội nhẹ hơn, bằng nhau thì áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử mới phù hợp.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thái B. Sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 180, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Thái B phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Xử phạt: Bị cáo Thái B 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 14/8/2017.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Thái B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1-TANDTC;
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Cơ quan CSĐT CA T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

